



DANH MỤC DỰ ÁN NHÀ Ở XÃ HỘI DỰ KIẾN TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN 2025-2030

(Kèm theo Quyết định số **2819** /QĐ-UBND ngày **02** /12/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM (XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU)	DIỆN TÍCH ĐẤT (ha)	TỔNG SỐ CĂN	DỰ KIẾN TIẾN ĐỘ HOÀN THÀNH THEO TỪNG NĂM					
					2025	2026	2027	2028	2029	2030
1	Khu nhà ở sinh viên tại Khu đô thị công nghệ FPT	Ngũ Hành Sơn	1,5	1.668	1.100	568				
2	Chung cư nhà ở xã hội cho người có công với cách mạng tại đường Vũ Mộng Nguyên	Ngũ Hành Sơn	0,3	209	209					
3	02 Khu KTX sinh viên tập trung phía Tây và phía Tây mở rộng (tại Khu đô thị công nghiệp Hòa Khánh)	Hải Vân	5,6	728	728					
4	Chung cư thu nhập thấp tại KDC An Trung 2 - Khối nhà A, B	An Hải	1,4	633	633					
5	Chung cư thu nhập thấp tại KDC Đại Địa Bảo - Khối nhà C	Sơn Trà	1,4	237	237					
6	Chung cư nhà ở xã hội cho người có công với cách mạng (giai đoạn 2)	Hoà Xuân	0,3	191				191		
7	Nhà ở xã hội và thiết chế công đoàn	Hải Vân	2,4	735			300	435		
8	Nhà ở xã hội tại KCN Hòa Cầm (giai đoạn 2)	Cầm Lệ	1,0	500				500		
9	Nhà ở xã hội tại Khu đất B4-1, B4-2 thuộc Khu TĐC Hòa Hiệp 4	Hải Vân, Liên Chiểu	4,4	1.476		391	1.085			
10	Nhà ở xã hội tại Khu đất chung cư số 3 thuộc Khu B - Khu dân cư Nam cầu Cầm Lệ	Hoà Xuân	1,7	650		200	450			
11	Nhà ở xã hội tại Khu đất chung cư số 5 thuộc Khu B - Khu dân cư Nam cầu Cầm Lệ	Hoà Xuân	2,9	1.008		250	758			
12	Nhà ở xã hội tại Khu phức hợp du lịch và đô thị nghỉ dưỡng Làng Vân	Hải Vân	20,7	1.200				400	400	400

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM (XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU)	DIỆN TÍCH ĐẤT (ha)	TỔNG SỐ CĂN	DỰ KIẾN TIẾN ĐỘ HOÀN THÀNH THEO TỪNG NĂM					
					2025	2026	2027	2028	2029	2030
13	Nhà ở xã hội tại khu đất số 10 Trịnh Công Sơn	Hoà Cường	0,7	649			300	349		
14	Nhà ở xã hội tại khu đất A2-4, đường Ngũ Hành Sơn và đường dẫn lên cầu Tiên Sơn	Ngũ Hành Sơn	0,7	831			300	531		
15	Nhà ở xã hội tại khu đất khu chung cư Hòa Minh	Thanh Khê	0,8	933					460	473
16	Nhà ở xã hội tại lô đất A1-7 đường Chu Huy Mân	Sơn Trà	0,5	547		547				
17	Nhà ở xã hội tại lô đất B3 thuộc Khu E (Giai đoạn 1) - Khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ	Hoà Xuân	1,2	506		506				
18	Nhà ở xã hội tại Không gian sáng tạo phường Hòa Xuân	Hòa Xuân	0,4	405		405				
19	Nhà ở xã hội tại khu đất Trường Lê Kim Lăng (cũ)	Hòa Xuân	0,7	326			326			
20	Nhà ở xã hội tại ô quy hoạch LX5-OCT01 thuộc Quy hoạch phân khu Trung tâm Lối Xanh, đường Đinh Liệt	An Khê	0,4	360			360			
21	Nhà ở xã hội tại Khu tái định cư số 6 - Vệt khai thác quỹ đất đường ĐT602	Hòa Khánh	1,6	858			300	558		
22	Nhà ở xã hội tại khu đất nhà liền kề Tân Trà (cũ)	Ngũ Hành Sơn	1,0	500			200	300		
23	Nhà ở xã hội tại ô quy hoạch ST1-1C OQH2 thuộc Quy hoạch phân khu Đổi mới sáng tạo (Khu tái định cư phía Bắc đường Vành đai phía Nam thành phố)	Ngũ Hành Sơn	9,2	4.080			1.020	1.020	1.020	1.020
24	Nhà ở xã hội tại Khu đất phía Bắc đường Cầu Đỏ - Tuý Loan	Cẩm Lệ	1,9	859			359	500		

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM (XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU)	DIỆN TÍCH ĐẤT (ha)	TỔNG SỐ CĂN	DỰ KIẾN TIẾN ĐỘ HOÀN THÀNH THEO TỪNG NĂM					
					2025	2026	2027	2028	2029	2030
25	Nhà ở xã hội tại Khu phía Nam đường Lê Trọng Tấn, khu vực chợ Hòa Phát	An Khê	1,5	1.000				400	600	
26	Nhà ở xã hội cho cán bộ chiến sĩ công an nhân dân	Hoà Xuân	1,3	1.000			500	500		
27	Khu nhà ở xã hội tập trung tại ô đất VS6-1/NOXH1	Ngũ Hành Sơn	0,4	414			414			
28	Nhà ở xã hội tập trung tại khu đất NOXH1 thuộc đơn vị ở ST1-6 (Nhà ở xã hội Hoà Phước), phường Hoà Xuân	Hoà Xuân	4,5	1.652			826	826		
29	Khu nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc	Điện Bàn Đông	2,4	1.176		784				392
30	Khu nhà ở công nhân của Công ty Danatol	Núi Thành	1,3	600		300	300			
31	Quỹ đất thuộc dự án Khu dân cư An Phú, phường Quảng Phú	Quảng Phú	2,0	700			350	350		
32	Nhà ở xã hội tại Khu đô thị Cồn Tiến, phường Hội An Đông	Hội An Đông	2,4	1.194		294	300	600		
33	Quỹ đất thuộc Khu dân cư Nhị Trưng - Cồn Thu	Hội An Tây	0,5	451		199	120	132		
34	Quỹ đất thuộc Khu dân cư dọc tuyến đường Điện Biên Phủ nối dài giai đoạn 1, phường Hội An Tây	Hội An Tây	1,0	500			250	250		
35	Quỹ đất thuộc Khu dân cư đô thị Điện Thăng Nam (giai đoạn 1), phường An Thắng	An Thắng	0,4	200				200		
36	Quỹ đất thuộc Khu đô thị sinh thái cao cấp Vịnh An Hòa 1	Núi Thành	1,0	650		325	325			
37	Quỹ đất thuộc Khu đô thị Chu Lai	Núi Thành	17,4	4.400				500	1.700	2.200

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM (XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU)	DIỆN TÍCH ĐẤT (ha)	TỔNG SỐ CĂN	DỰ KIẾN TIẾN ĐỘ HOÀN THÀNH THEO TỪNG NĂM					
					2025	2026	2027	2028	2029	2030
38	Nhà ở xã hội tại lô đất A3, A4 - Khu nhà ở công nhân thuộc Khu Kinh tế mở Chu Lai	Núi Thành	1,9	683		242	280		161	
39	Nhà ở xã hội Núi Thành tại lô đất A1, A2 - Khu nhà ở công nhân thuộc Khu kinh tế mở Chu Lai	Núi Thành	2,2	750			362		388	
40	Khu nhà ở công nhân Tam Thăng	Bàn Thạch	1,7	600					300	300
41	Khu dân cư thu nhập thấp - Khu 2	Điện Bàn Đông	4,5	1.000					500	500
42	Khu dân cư thu nhập thấp - Khu 3	Điện Bàn Đông	6,5	1.500					750	750
43	Khu dân cư thu nhập thấp - Khu 5	Điện Bàn Đông	4,2	1.000					500	500
44	Nhà ở xã hội thiết chế công đoàn Điện Nam - Điện Ngọc	Điện Bàn Đông	4,0	800					400	400
45	Nhà ở xã hội tại Khu dân cư trung tâm xã Bình Dương (cũ)	Thăng An	0,6	400				400		
46	Khu nhà ở dành cho người thu nhập thấp tại phường Tam Kỳ	Tam Kỳ	9,7	2.000				600	600	700
TỔNG CỘNG			134,1	42.759	2.907	5.011	9.785	9.542	7.779	7.635

Ghi chú: Số lượng căn hộ nêu trên là số liệu dự kiến, số lượng căn hộ được xác định theo hồ sơ dự án đầu tư xây dựng nhà ở được duyệt.